TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HS-ST
N3: 30-12-2020

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

Ông Nguyễn Quốc Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh – Kiểm sát viên.

Trong N3 30 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Phú, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2020/HSST N3 04/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2020/QĐXXST-HS N3 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm: 1996; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp AT, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1964.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ N3 21/7/2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp AT, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Người có quyền L, N vụ liên quan*:

Ông Trần Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp AT, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp AH, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

Ông Huỳnh Thanh X, sinh năm 1981

Bà Lê Thị N1 (Ngân), sinh năm 1969

Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1978

Bà Lê Thị N3, sinh năm 1938

Ông Trần Văn T1, sinh năm 1960

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/10/2020, bị cáo Trần Văn L đến nhà ông Trần Văn M (chú ruột) thì thấy ông M đang ngồi nhậu với ông Trần Văn T1 nên bị cáo vào nhậu chung. Trong lúc nhậu ông M giao chìa khoá xe máy biển số 67G1-711.97 màu sơn: Trắng-đen-bạc cho bị cáo và 100.000 đồng để bị cáo đi mua ghẹ về ăn. Bị cáo mua ghẹ về, sau đó dựng xe ở chân cầu thang nhà ông M, chìa khoá vẫn còn ghim sẵn trong ổ khoá xe.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, cả ba người không nhậu nữa và ông M lên võng ngủ. Lúc này bị cáo từ trên nhà ông M đi xuống thấy xe máy của ông M có ghim sẵn chìa khoá nên chiếm đoạt chiếc xe, chạy về hướng Quốc lộ 91C thì bà nội của bị cáo là Lê Thị N3 tri hô. Ông M thức dậy và cùng với ông Huỳnh Thanh X truy tìm bị cáo nhưng không gặp.

Bị cáo L sau khi chiếm đoạt xe của ông M đã điều khiển xe đến Thành phố Châu Đốc để lấy tiền nợ của T2, cư trú tại Thành phố Châu Đốc. Trong lúc chờ đợi T2, bị can vào chơi game bắn cá và thua hết 6.000.000 đồng nhưng không tiền thanh toán nên nhờ T2 đem xe đi cầm lấy 10.000.000 đồng. Bị cáo lấy 6.000.000 đồng trả cho chủ tiệm game, dùng 1.500.000 đồng để chuộc điện thoại đã cầm ở Dịch vụ cầm đồ Thanh D, địa chỉ ấp AH, thị trấn An Phú và tiêu xài cá nhân hết 2.500.000 đồng.

Ngày 28/10/2020, ông M đến Công an thị trấn An Phú tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo.

Ngày 30/10/2020, bị cáo đến Công an thị trấn An Phú đầu thú và thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an huyện An Phú đã tạm giữ và khởi tố đối với bị cáo.

Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL-ĐGTSTTHS N3 06/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang xác định: Xe máy biển số 67G1-711.97 có giá trị định giá là 16.809.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT – VKS.AP N3 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Trần Văn L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo có mặt, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, khai nhận nảy sinh ý định lấy trộm tài sản khi thấy ông M sơ hở trong việc trông giữ tài sản. Tuy nhiên bị cáo cho rằng ban đầu chỉ định dùng xe để đi đến thành phố Châu Đốc nhằm tìm kiếm T2 để lấy tiền, chỉ đến khi thiếu tiền chơi game thì mới nảy sinh ý định đem xe đi cầm để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo cho biết sau khi tiêu xài hết số tiền do cầm xe thì có về nhà báo cho cha, mẹ hay và đến Công an thị trấn An Phú đầu thú.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i,s,x khoản 1, 2 Điều 5, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L với mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về biện pháp tư pháp:

Ông M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Ông D (cha bị cáo) không yêu cầu bị cáo trả lại 10.000.000 đồng mà ông đã dùng chuộc lại chiếc xe cho ông M. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với T2 có giao dịch liên quan đến tài sản lấy trộm nhưng chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an huyện An Phú tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với anh N tuy có liên quan đến giao dịch từ tài sản bị cáo lấy trộm nhưng không hay biết hoặc liên quan đến việc phạm tội nên không xem xét.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo biết hành vi của mình là sai, ăn năn hối cải và xin xem xét tình tiết đã từng là bộ đội phục vụ tại Đội K93 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang, bị cáo đầu thú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Bị hại, người tham gia tố tụng khác đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan cảnh sát Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông M, vào lúc 12 giờ 00 phút ngày 25/10/2020 bị cáo L đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô, biển số 67G1-711.97 của ông M. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã nhờ người đem cầm chiếc xe trên được 10.000.000 đồng và tiêu xài hết số tiền này.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Căn cứ các quy định pháp luật, hành vi trên của bị cáo L đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Trần Văn L (Cu đen) về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với người tên T2 có giao dịch liên quan đến tài sản lấy trộm nhưng chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là có căn cứ. Đối với anh N tuy có liên quan đến giao dịch từ tài sản bị cáo lấy trộm nhưng không hay biết hoặc liên quan đến việc phạm tội nên không xem xét trách nhiệm của anh trong vụ án này.

[3] Xét về tính chất vụ án thì thấy như sau: Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo L là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ nhận thức, năng lực hành vi, có sức khỏe để lao động, tự tạo ra của cải phục vụ cho sinh hoạt cá nhân nhưng chỉ vì bản chất tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã có hành vi lấy trộm tài sản của ông M. Mặc dù bị cáo khai mục đích ban đầu chỉ mượn xe để đi tìm T2 lấy tiền, tuy nhiên bị cáo cũng thừa nhận không thông báo cho ông M việc mình mượn xe mà là thấy ông M ngủ say, xe dựng dưới chân cầu thang và cắm sẵn chìa khóa nên bị cáo lén lút dẫn xe ra và nổ máy chạy về hướng Tỉnh lộ 957, sau đó bị cáo đã chủ động giao xe cho T2 để đem đi cầm lấy tiền phục vụ cho việc chơi game và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", thể hiện sự cố ý thực hiện tội phạm đến cùng, tội phạm đã hoàn thành.

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh An Giang. Sau khi kết thúc điều trị, bị cáo nhập ngũ tại Đội K93–Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang tham gia tìm hài cố liệt sĩ ở chiến trường Campuchia đến năm 2019 thì giải ngũ. Lẽ ra, sau khi giải ngũ bị cáo phải thay đổi bản thân, tích cực lao động,sản xuất để tạo ra của cải, vật chất cho xã hội và gia đình nhưng bị cáo lại tiếp tục nghiện ngập, sử dụng ma túy, sống dựa vào gia đình cho đến ngày phạm tội. Quá trình điều tra, ông Trần Văn D – cha ruột bị cáo cũng không xin giảm nhẹ hình phạt mà chủ động yêu cầu xử lý bị cáo một hình phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục, răn đe. Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương cho nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo đầu thú, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả, là người có công với cách mạng (thực hiện nhiệm vụ tìm hài cốt liệt sĩ ở chiến trường Campuchia) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt:

Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo 09 tháng tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[5] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản, ông Trần Văn D không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng, ông Nguyễn Trung N không có yêu cầu liên quan đến việc bị cáo chuộc lại điện thoại nên không xem xét giải quyết.

Vật chứng thu giữ trong vụ án đã trả lại cho bị hại, do vậy không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38, Điều 47, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 292, 293, 333 và 336 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội D: Tuyên bố bị cáo Trần Văn L (Cu đen) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn L (Cu đen) 09 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam (N3 30/10/2020).

Về án phí: Bị cáo L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Bảo

* ***Nơi nhận***:
- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án tỉnh AG;
- Sở TP AG;
- THA DS H.An Phú;
- Cơ quan THA HS;
- Lưu HS – VP.